

SCIC Chi nhánh phía Nam
ĐẾN 16-03-2015
Số CV đến: 788

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG
CÔNG TRÌNH 79

Cho năm tài chính từ 01/01/2014 đến 31/12/2014

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 79

MỤC LỤC

Trang

| | | | | |
|----|--|----|---|----|
| 1. | Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc | 01 | - | 03 |
| 2. | Báo cáo kiểm toán độc lập | 04 | - | 05 |
| 3. | Báo cáo tài chính đã được kiểm toán niên độ 2014 | | | |
| | Bảng cân đối kế toán | 06 | - | 08 |
| | Kết quả hoạt động kinh doanh | | | 09 |
| | Báo cáo lưu chuyển tiền tệ | 10 | - | 11 |
| | Thuyết minh báo cáo tài chính | 12 | - | 27 |
| | Báo cáo vốn chủ sở hữu | | | 28 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 79

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Xây Dựng Công Trình 79 trình bày bản Báo cáo này và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty đã được kiểm toán.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Xây Dựng Công Trình 79, tên giao dịch là Civil Engineering and Investment Joint - Stock Company 79, là Công ty cổ phần có vốn Nhà nước, được chuyển đổi từ Công ty Quản lý và Sửa chữa đường bộ 79, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000351 ngày 19 tháng 12 năm 2006 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ hai số 3600258937 ngày 09 tháng 08 năm 2010, Giấy chứng nhận thay đổi lần thứ ba ngày 23 tháng 01 năm 2014 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Một số nội dung chính của Giấy Chứng Nhận đăng ký kinh doanh như sau:

- Tên Doanh Nghiệp : Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Xây Dựng Công Trình 79
- Trụ sở chính đặt tại : Số 728, Quốc lộ 1, Phường Xuân Bình, Thị Xã Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai.
- Người đại diện theo pháp luật : Ông Nguyễn Văn Hoi, quốc tịch Việt Nam; Chức vụ: Tổng Giám đốc
- Vốn điều lệ : 10.000.000.000 VND
- Số cổ phần lưu hành : 1.000.000 Cổ phần
- Mệnh giá : 10.000VND/CP
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp và ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp : Theo thông tư 134/2007/TT-BTC ngày 23/11/2007 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14/02/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trong 10 năm kể từ khi bắt đầu hoạt động kinh doanh;
Miễn thuế 02 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% trong 03 năm tiếp theo.
- Các loại thuế khác : Theo qui định hiện hành tại thời điểm nộp thuế hàng năm.

2. Lĩnh vực hoạt động kinh doanh

- Xây dựng các công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi, cầu cống, bến cảng.
- Vận chuyển, đào đắp, san lấp mặt bằng các công trình, sửa chữa thiết bị xe máy.
- Quản lý và sửa chữa thường xuyên các công trình giao thông, cầu cống.
- Sản xuất vật liệu xây dựng, kết cấu bê tông.
- Khai thác đất đá phục vụ xây dựng.
- Quản lý thu phí đường bộ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 79

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

3. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành quản lý

Hội đồng quản trị

Họ và tên

Chức vụ

Ông Nguyễn Tấn Đạt

Chủ tịch HĐQT

Ông Nguyễn Văn Hoi

Thành viên

Ông Lê Quang Liêm

Thành viên

Ông Tạ Hữu Tổng

Thành viên

Ông Nguyễn Đăng Thái

Thành viên

Ban kiểm soát

Họ và tên

Chức vụ

Ông Lê Chí Thành

Trưởng ban

Ông Nguyễn Nhật Tân

Thành viên

Ông Lê Hữu Hiến

Thành viên

Ban điều hành quản lý

Họ và tên

Chức vụ

Ông Nguyễn Văn Hoi

Tổng Giám đốc

Ông Lê Quang Liêm

Phó Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Tuấn Hòa

Kế toán trưởng

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm.

| Chỉ tiêu | Đơn vị tính (VND) | |
|--------------------|-------------------|----------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Tổng thu nhập | 17.197.164.941 | 25.772.595.248 |
| Tổng chi phí | 16.975.009.539 | 25.416.668.336 |
| Lợi nhuận sau thuế | 222.155.402 | 355.926.912 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 79

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

5. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho đến thời điểm lập Báo cáo này cần thiết phải được điều chỉnh số liệu hay công bố trong Báo cáo tài chính.

6. Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm Toán AS (ASCO) là kiểm toán độc lập cho Báo cáo tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Xây Dựng Công Trình 79.

7. Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng công ty sẽ tiếp tục hoạt động;
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót;

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

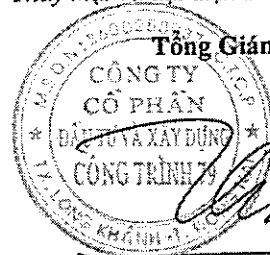
Ban Tổng Giám đốc đã cam kết rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các Báo cáo tài chính.

8. Phê duyệt Báo cáo tài chính

Chúng tôi phê duyệt các Báo cáo tài chính kèm theo. Các Báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Đồng Nai, Ngày 10 tháng 02 năm 2015

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc



Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Hợi



Số: 63.01.15/AS

AS AUDITING COMPANY

63A Vo Van Tan St., Ward 6, Dist.3, HCM City

Tel : (84.8) 39301277 - 39301278 Fax : (84.8) 39301395

E-mail: kias@vnn.vn website: www.kiemtoanas.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 79

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Xây Dựng Công Trình 79, được lập ngày 10 tháng 02 năm 2015 từ trang 07 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Xây Dựng Công Trình 79 tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, Ngày 28 tháng 02 năm 2015

Công ty TNHH Kiểm Toán AS



Đỗ Thị Thi

Phó Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:

2064-2013-018-1

Nguyễn Văn Cường

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:

2777-2014-018-1

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 79

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | MÃ SỐ | THUYẾT MINH | SỐ CUỐI NĂM | SỐ ĐẦU NĂM |
|--|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 14.407.596.553 | 16.860.043.419 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.01 | 938.079.011 | 70.381.492 |
| Tiền | 111 | | 938.079.011 | 70.381.492 |
| Các khoản tương đương tiền | 112 | | - | - |
| Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | - | - |
| Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 7.027.762.243 | 14.309.473.131 |
| Phải thu khách hàng | 131 | V.02 | 5.743.252.711 | 13.419.425.711 |
| Trả trước cho người bán | 132 | V.03 | 569.036.062 | 124.277.000 |
| Các khoản phải thu khác | 135 | V.04 | 928.753.841 | 979.050.791 |
| Dự phòng các khoản phải thu khó đòi | 139 | V.05 | (213.280.371) | (213.280.371) |
| Hàng tồn kho | 140 | V.06 | 5.525.184.897 | 2.239.513.953 |
| Hàng tồn kho | 141 | | 5.525.184.897 | 2.239.513.953 |
| Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 916.570.402 | 240.674.843 |
| Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | - | 9.402.023 |
| Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | V.07 | - | - |
| Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 154 | V.13 | 5.345.287 | 5.345.287 |
| Tài sản ngắn hạn khác | 158 | | 911.225.115 | 225.927.533 |
| TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 4.801.946.801 | 5.280.285.124 |
| Tài sản cố định | 220 | | 1.598.446.801 | 2.069.785.124 |
| Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.08 | 1.598.446.801 | 2.069.785.124 |
| Nguyên giá | 222 | | 8.193.510.404 | 9.428.259.158 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (6.595.063.603) | (7.358.474.034) |
| Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 3.200.000.000 | 3.200.000.000 |
| Đầu tư dài hạn khác | 258 | V.09 | 3.200.000.000 | 3.200.000.000 |
| Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn | 259 | | - | - |
| Tài sản dài hạn khác | 260 | | 3.500.000 | 10.500.000 |
| Chi phí trả trước dài hạn | 261 | | 3.500.000 | 10.500.000 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 19.209.543.354 | 22.140.328.543 |

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 79

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

| NGUỒN VỐN | MÃ SỐ | THUYẾT MINH | SỐ CUỐI NĂM | SỐ ĐẦU NĂM |
|--|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 8.194.799.778 | 10.957.760.262 |
| Nợ ngắn hạn | 310 | | 6.891.466.816 | 9.974.580.156 |
| Vay và nợ ngắn hạn | 311 | V.10 | 1.000.000.000 | 2.500.000.000 |
| Phải trả người bán | 312 | V.11 | 1.726.610.026 | 1.864.332.561 |
| Người mua trả tiền trước | 313 | V.12 | 178.500.000 | 185.365.276 |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 314 | V.13 | 127.707.367 | 857.590.189 |
| Phải trả người lao động | 315 | V.14 | 2.379.850.934 | 3.214.807.044 |
| Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 319 | V.15 | 821.584.632 | 773.469.937 |
| Dự phòng phải trả ngắn hạn | 320 | V.16 | 516.298.553 | 325.271.455 |
| Quỹ khen thưởng và phúc lợi | 323 | | 140.915.304 | 253.743.694 |
| Nợ dài hạn | 330 | | 1.303.332.962 | 983.180.106 |
| Doanh thu chưa thực hiện | 338 | V.17 | 1.303.332.962 | 983.180.106 |
| VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 11.014.743.576 | 11.182.568.281 |
| Vốn chủ sở hữu | 410 | V.18 | 11.014.743.576 | 11.182.568.281 |
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 411 | | 10.000.000.000 | 10.000.000.000 |
| Quỹ đầu tư phát triển | 417 | | 686.438.601 | 686.438.601 |
| Quỹ dự phòng tài chính | 418 | | 94.729.542 | 136.729.612 |
| Lợi nhuận chưa phân phối | 420 | | 233.575.433 | 359.400.068 |
| Nguồn kinh phí, quỹ khác | 430 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 19.209.543.354 | 22.140.328.543 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 79

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

| CHỈ TIÊU | THUYẾT MINH | SỐ CUỐI NĂM | SỐ ĐẦU NĂM |
|------------------------------|----------------|-------------|------------|
| Ngoại tệ các loại: | | | |
| USD | | - | - |
| Dự toán chi sự nghiệp, dự án | | - | - |

Đồng Nai, Ngày 10 tháng 02 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Ngọc Kim Chi

Nguyễn Tuấn Hòa



Nguyễn Ngọc Kim Chi

Nguyễn Tuấn Hòa

Nguyễn Văn Lợi

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 79

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | MÃ SỐ | THUYẾT MINH | NĂM NAY | NĂM TRƯỚC |
|--|-----------|-------------|----------------------|----------------------|
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.01 | 16.316.306.176 | 25.170.373.546 |
| Các khoản giảm trừ | 02 | | - | 6.978.115 |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | VI.01 | 16.316.306.176 | 25.163.395.431 |
| Giá vốn hàng bán | 11 | VI.02 | 14.058.674.790 | 22.381.942.292 |
| Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 2.257.631.386 | 2.781.453.139 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.03 | 29.300.442 | 43.520.431 |
| Chi phí tài chính | 22 | VI.04 | 110.523.353 | 76.096.389 |
| - Trong đó chi phí lãi vay | 23 | | 110.523.353 | 76.096.389 |
| Chi phí bán hàng | 24 | | - | - |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | VI.05 | 2.449.419.262 | 2.638.299.237 |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | (273.010.787) | 110.577.944 |
| Thu nhập khác | 31 | VI.06 | 851.558.323 | 565.679.386 |
| Chi phí khác | 32 | VI.07 | 273.254.842 | 173.763.743 |
| Lợi nhuận khác | 40 | | 578.303.481 | 391.915.643 |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 305.292.694 | 502.493.587 |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | VI.08 | 83.137.292 | 146.566.675 |
| Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | | - | - |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | 222.155.402 | 355.926.912 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.09 | 222,16 | 355,93 |

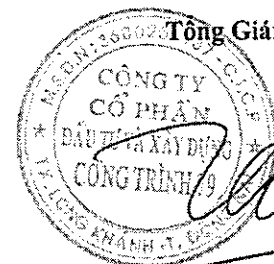
Đồng Nai, Ngày 10 tháng 02 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Nguyễn Ngọc Kim Chi

Nguyễn Tuấn Hòa



Nguyễn Văn Hợi

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 79

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | MÃ THUYẾT SỐ MINH | NĂM NAY | NĂM TRƯỚC |
|--|-------------------|----------------------|------------------------|
| Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | |
| Lợi nhuận trước thuế | 01 | 305.292.694 | 502.493.587 |
| Điều chỉnh cho các khoản | | | |
| Khấu hao tài sản cố định | 02 | 471.338.323 | 495.156.680 |
| Các khoản dự phòng | 03 | - | (268.064.318) |
| Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện | 04 | - | - |
| Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | (29.300.442) | (43.520.431) |
| Chi phí lãi vay | 06 | 110.523.353 | 76.096.389 |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động | 08 | 857.853.928 | 762.161.907 |
| Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | 6.596.413.306 | (3.280.405.500) |
| Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | (3.285.670.944) | 3.554.394.677 |
| Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp) | 11 | (1.068.970.169) | (2.376.684.143) |
| Tăng giảm chi phí trả trước | 12 | 16.402.023 | 3.134.066 |
| Tiền lãi vay đã trả | 13 | (110.523.353) | (76.096.389) |
| Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 14 | (164.299.217) | (485.594.732) |
| Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 15 | - | - |
| Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | (252.808.497) | (761.363.019) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | 2.588.397.077 | (2.660.453.133) |
| Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | |
| Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 21 | - | (176.000.000) |
| Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 29.300.442 | 43.520.431 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | 29.300.442 | (132.479.569) |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 79

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | MÃ SỐ | THUYẾT MINH | NĂM NAY | NĂM TRƯỚC |
|---|-----------|-------------|------------------------|------------------------|
| Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được | 33 | | 4.460.338.000 | 3.880.000.000 |
| Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | | (5.960.338.000) | (2.180.000.000) |
| Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | (250.000.000) | (590.000.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | (1.750.000.000) | 1.110.000.000 |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | 50 | | 867.697.519 | (1.682.932.702) |
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | 60 | V.1 | 70.381.492 | 1.753.314.194 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | - | - |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | 70 | V.1 | 938.079.011 | 70.381.492 |

Đồng Nai, Ngày 10 tháng 02 năm 2015

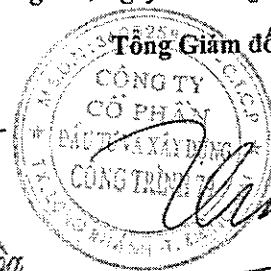
Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Ngọc Kim Chi

Nguyễn Tuấn Hòa



Nguyễn Ngọc Kim Chi

Nguyễn Tuấn Hòa

Nguyễn Văn Hai

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 79

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

Bản thuyết minh này nhằm chú giải một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu được thể hiện trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Xây Dựng Công Trình 79 được nêu từ trang 07 đến trang 12. Bản thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời của các Báo cáo tài chính.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Thành lập:

Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Xây Dựng Công Trình 79, tên giao dịch là Civil Engineering and Investment Joint - Stock Company 79, là Công ty cổ phần có vốn Nhà nước, được chuyển đổi từ Công ty Quản lý và Sửa chữa đường bộ 79, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000351 ngày 19 tháng 12 năm 2006 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ hai số 3600258937 ngày 09 tháng 08 năm 2010, Giấy chứng nhận thay đổi lần thứ ba ngày 23 tháng 01 năm 2014 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Đồng Nai cấp.

2. Hình thức sở hữu vốn: Công ty Cổ phần có vốn nhà nước trên 51%.

3. Ngành nghề kinh doanh:

Xây dựng các công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi, cầu cống, bến cảng.

Vận chuyển, đào đắp, san lấp mặt bằng các công trình, sửa chữa thiết bị xe máy.

Quản lý và sửa chữa thường xuyên các công trình giao thông, cầu cống.

Sản xuất vật liệu xây dựng, kết cấu bê tông.

Khai thác đất đá phục vụ xây dựng.

Quản lý thu phí đường bộ.

4. Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình kinh doanh: Không có.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính: Bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006; Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp; các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản sửa đổi, bổ sung của Bộ Tài chính.

2. Hình thức kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thời gian đáo hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào Chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả kinh doanh trong năm.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009. Cụ thể như sau:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền

Phương pháp kế toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)**Loại tài sản****Thời gian khấu hao**

Nhà cửa, vật kiến trúc

10 - 25 năm

Máy móc thiết bị

06 - 08 năm

Phương tiện vận tải, truyền dẫn

06 - 08 năm

Thiết bị dụng cụ quản lý

06 - 08 năm

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

6. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính bao gồm các khoản đầu tư vào cổ phiếu, trái phiếu, công ty con, công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo nguyên tắc giá gốc.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn bao gồm các khoản đầu tư có thời hạn luân chuyển và thu hồi vốn trên 1 năm.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

7. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo thông tư 134/2007/TT-BTC ngày 23/11/2007 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14/02/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trong 10 năm kể từ khi bắt đầu hoạt động kinh doanh;
- Miễn thuế 02 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% trong 03 năm tiếp theo.

8. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ.

11. Báo cáo theo bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty. Báo cáo chính yếu, bộ phận theo khu vực địa lý, được dựa vào cơ cấu báo cáo nội bộ và quản lý của Công ty.

Kết quả báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm tài sản, nợ phải trả, doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**01. Tiền và các khoản tương đương tiền**

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|--------------------|-------------------|
| Tiền mặt | 76.021.560 | 36.284.684 |
| Tiền VND | 76.021.560 | 36.284.684 |
| Tiền gửi ngân hàng | 862.057.451 | 34.096.808 |
| <i>Ngân hàng NN&PTNT - CN Long Khánh</i> | <i>197.642.333</i> | <i>15.700.029</i> |
| Tài khoản VND | 197.642.333 | 15.700.029 |
| <i>Ngân hàng đầu tư phát triển Việt Nam - Chi nhánh ĐN</i> | <i>664.415.118</i> | <i>18.396.779</i> |
| Tài khoản VND | 664.415.118 | 18.396.779 |
| Các khoản tương đương tiền | - | - |
| Cộng | 938.079.011 | 70.381.492 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 79**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH***Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**Đơn vị tính: VND***02. Phải thu khách hàng**

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|------------------------------------|----------------------|-----------------------|
| Khu Quản Lý Đường Bộ VII | 279.742.043 | 10.976.455.006 |
| UBND Xã Xuân Thọ | 221.660.489 | 335.046.023 |
| Công ty Xây Dựng 44 | 130.366.840 | 130.366.840 |
| UBND xã Bảo Hoà | 638.152.933 | 554.627.772 |
| Ủy ban nhân dân xã X.Thành | 145.791.579 | 637.091.579 |
| Công ty TNHH TM DV XD Linh Hà | 54.000.000 | - |
| Công ty CP XD Tín Nghĩa | 53.791.980 | - |
| Cty CTGT B19 (Bàu Xéo-Sông Thao) | 29.255.662 | 29.255.662 |
| UBND xã Phú Ngọc (Taluy đường 104) | 40.001.269 | 40.001.269 |
| Cty TNHH XD Quốc Phương | 13.656.600 | 13.656.600 |
| UBND Xã Xuân Hòa | 868.705.629 | - |
| UBND xã Quang Trung | 179.960.000 | 179.960.000 |
| Công ty TNHH MTV Cao Su Bà Rịa | 6.707.000 | - |
| UBND Xã Suối Nho | 353.804.833 | - |
| Công ty CP Xây Dựng Công Trình 525 | 2.213.119.702 | - |
| DNTN Đức Hữu | 109.000.000 | - |
| Công ty CP XL&SX TB Ngành nước | 87.004.854 | 127.004.854 |
| Ban QLDA Huyện Xuân Lộc | - | 313.960.106 |
| Công ty Đồng Mê Kông | 282.040.000 | 82.000.000 |
| Khác | 36.491.298 | - |
| Cộng | 5.743.252.711 | 13.419.425.711 |

03. Trả trước cho người bán

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|--------------------|--------------------|
| Công ty TNHH TM và Đầu tư Hiếu Nghĩa | 163.164.000 | 119.277.000 |
| DNTN SXVLXD Km1828 | 358.800.000 | - |
| Trường Kỹ thuật nghiệp vụ Tôn Đức Thắng | - | 5.000.000 |
| HTX SX TM DV Nam Châu Sơn | 7.904.099 | - |
| Công ty TNHH ĐT TM XNK Tân Việt Hà | 1.032.000 | - |
| DNTN TOYOTA Biên Hòa | 38.135.963 | - |
| Cộng | 569.036.062 | 124.277.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 79**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH***Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**Đơn vị tính: VND***04. Các khoản phải thu ngắn hạn khác**

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|--------------------|--------------------|
| Khu Quản Lý Đường Bộ VII (Cấp bù kinh phí) | 235.931.660 | 235.931.660 |
| Công ty TNHH TM DV Tân Tạo | 625.000.000 | 625.000.000 |
| Các khoản phải thu khác | 67.822.181 | 118.119.131 |
| Cộng | 928.753.841 | 979.050.791 |

05. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-----------------------------------|--------------------|--------------------|
| Công ty Xây Dựng 44 | 130.366.840 | 130.366.840 |
| Ủy ban nhân dân xã Phú Ngọc | 40.001.269 | 40.001.269 |
| Công ty Công Trình Giao Thông B19 | 29.255.662 | 29.255.662 |
| Công ty TNHH XD Quốc Phương | 13.656.600 | 13.656.600 |
| Cộng | 213.280.371 | 213.280.371 |

06. Hàng tồn kho

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|----------------------|----------------------|
| Nguyên liệu, vật liệu | 418.920.156 | 343.348.189 |
| Công cụ, dụng cụ | 27.287.947 | 32.182.320 |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 5.078.976.794 | 1.863.983.444 |
| Thành phẩm | - | - |
| Cộng | 5.525.184.897 | 2.239.513.953 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | - | - |
| Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho | 5.525.184.897 | 2.239.513.953 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 79

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|----------------------|----------------------|
| Thi công đường Phước Bình - Xã Xuân Thọ | 452.110.772 | 452.110.772 |
| Đường tổ 6 - Ấp Tân Hợp | 344.579.100 | 344.579.100 |
| Đường Khu Tây - Đoạn 2 | - | 596.845.130 |
| Đường số 20 - Tổ 4 - Hòa Hợp - Bảo Hòa | - | 268.358.744 |
| Trạm Xăng Dầu 35 | - | 25.758.431 |
| Trạm chiết nạp gas - Xuân Lập | - | 165.454.071 |
| Nâng cấp đường tổ 1 - Ấp 3 - Suối Nho | - | 3.137.726 |
| Tháo dỡ TTP Định Quan | - | 7.739.470 |
| Cầu ấp 3 - Xã Xuân Hòa | 1.157.959.836 | - |
| Nền móng mặt đường Cầu vượt đường sắt thị xã Long Khánh | 2.534.022.212 | - |
| Đường XP4 - Ấp Bình Tân - Xuân Phú | 175.485.710 | - |
| Hèm 100, Đường Xuân Phú - Xuân Tây | 219.937.193 | - |
| Đường đầu nối Trạm Xăng Dầu Ngã 3 Vũng Tàu | 29.278.681 | - |
| Đường Tân Hợp - Suối Cao (GD3) - Xuân Thành | 141.556.810 | - |
| Đường đầu nối Trạm XD Định Quán 3 | 3.012.545 | - |
| Đường vào rừng Nam Cát Tiên | 21.033.935 | - |
| Cộng | 5.078.976.794 | 1.863.983.444 |

07. Thuế GTGT được khấu trừ

| | Số tiền |
|---|----------------------|
| Thuế GTGT được khấu trừ, được hoàn lại đầu kỳ | - |
| Thuế GTGT phát sinh trong kỳ | 1.566.150.750 |
| Thuế GTGT giảm trong kỳ | 1.566.150.750 |
| <i>Trong đó:</i> | |
| <i>Thuế GTGT đã khấu trừ</i> | <i>1.566.150.750</i> |
| <i>Thuế GTGT đã hoàn trừ</i> | - |
| <i>Các khoản giảm khác</i> | - |
| Thuế GTGT còn được khấu trừ, hoàn lại cuối kỳ | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 79

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

08. Tài sản cố định hữu hình

| | Số đầu năm | Tăng trong năm | Giảm trong năm | Số cuối năm |
|-----------------------------|----------------------|--------------------|----------------------|----------------------|
| I. Nguyên giá TSCĐ | 9.428.259.158 | - | 1.234.748.754 | 8.193.510.404 |
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 2.093.813.489 | - | - | 2.093.813.489 |
| Máy móc thiết bị | 2.670.741.377 | - | 213.748.754 | 2.456.992.623 |
| Phương tiện vận tải | 4.499.467.240 | - | 1.021.000.000 | 3.478.467.240 |
| Dụng cụ quản lý | 164.237.052 | - | - | 164.237.052 |
| II. Giá trị hao mòn | 7.358.474.034 | 471.338.323 | 1.234.748.754 | 6.595.063.603 |
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 1.502.896.517 | 66.125.214 | - | 1.569.021.731 |
| Máy móc thiết bị | 1.915.927.285 | 199.281.159 | 213.748.754 | 1.901.459.690 |
| Phương tiện vận tải | 3.797.760.101 | 200.345.220 | 1.021.000.000 | 2.977.105.321 |
| Dụng cụ quản lý | 141.890.131 | 5.586.730 | - | 147.476.861 |
| III. Giá trị còn lại | 2.069.785.124 | | | 1.598.446.801 |
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 590.916.972 | | | 524.791.758 |
| Máy móc thiết bị | 754.814.092 | | | 555.532.933 |
| Phương tiện vận tải | 701.707.139 | | | 501.361.919 |
| Dụng cụ quản lý | 22.346.921 | | | 16.760.191 |

09. Đầu tư dài hạn khác

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--|-------------|----------------------|------------|----------------------|
| | Số lượng | Giá trị | Số lượng | Giá trị |
| Đầu tư vào đơn vị khác | | | | |
| Công ty Cổ Phần Quản Lý và Sửa Chữa Đường Bộ 742 | 20.000 | 200.000.000 | 20.000 | 200.000.000 |
| Hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH DV-TM-XD Tân Tạo | - | 3.000.000.000 | - | 3.000.000.000 |
| Cộng | | 3.200.000.000 | | 3.200.000.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 79

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

Đầu tư dài hạn khác (tiếp theo)

Hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH DV-TM-XD Tân Tạo

Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Xây Dựng Công Trình 79 ký kết hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH DV-TM-XD Tân Tạo ngày 25 tháng 03 năm 2011 với nội dung sau:

- Mục đích hợp tác kinh doanh : Đầu tư mua xe cầu bánh xích để cho thuê.
- Giá trị góp vốn : 3.000.000.000 VND (50% tổng giá trị tài sản góp vốn)
- Phương thức phân chia lợi nhuận : 75.000.000 VND/ tháng (được tính từ thời điểm chuyển tiền góp vốn).
- Phương thức hoàn vốn đầu tư : Công ty TNHH DV-TM-XD Tân Tạo nhận lại xe cầu để kinh doanh và hoàn trả toàn bộ phần vốn góp ban đầu cho Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Xây Dựng Công Trình 79 là 3.000.000.000 VND.
- Điều kiện đảm bảo hợp đồng : Công ty TNHH DV-TM-DV Tân tạo ký hợp đồng thế chấp tài sản đầu tư nêu trên với Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Xây Dựng Công Trình 79.

10. Vay và nợ ngắn hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|----------------------|----------------------|
| Ngân hàng NN&PTNT - CN Thị xã Long Khánh | - | 500.000.000 |
| Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - CN ĐN | 1.000.000.000 | 2.000.000.000 |
| Cộng | 1.000.000.000 | 2.500.000.000 |

Vay Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - CN ĐN

| | |
|-----------------|--|
| Số hợp đồng | : 238/2014/378775/HĐTD ngày 12 tháng 11 năm 2014 |
| Hạn mức vay | : 1.000.000.000 VND |
| Nợ gốc vay | : 1.000.000.000 VND |
| Mục đích vay | : Bổ sung vốn lưu động |
| Thời hạn vay | : 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng |
| Tài sản đảm bảo | : Bao gồm động sản và bất động sản theo bảng kê chi tiết trong hợp đồng vay. |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 79**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH***Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**Đơn vị tính: VND***11. Phải trả người bán**

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|----------------------|----------------------|
| Cửa hàng VLXD Thanh | 121.459.803 | 121.459.803 |
| Công ty CP Công Nghiệp GT Đông Hải | - | 218.236.700 |
| Công ty QL&SCĐB 78 | 22.469.740 | 22.469.740 |
| Công ty Tín Nghĩa (Trạm xăng dầu LK) | 181.696.950 | 205.736.990 |
| Bệnh viện GTVT TPHCM | - | 17.388.000 |
| Công ty TNHH TM DV VT Vũ Thanh | 140.186.400 | 140.186.400 |
| DNTN Nguyễn Thành Đạt | - | 146.560.382 |
| Công ty Cổ phần giao thông Đại Hưng | 33.345.350 | 33.345.350 |
| Công ty TNHH Hữu Phước | 196.800.000 | 300.000 |
| Công ty CPĐT Xây dựng BMT | 678.123.880 | 19 |
| DNTN Xăng Dầu Mai Sơn | - | 113.692.260 |
| Công ty CP Xây Dựng ĐB 678 (Công ty TNHH MTV QL&SCĐB 78 | 99.603.004 | 452.806.500 |
| Công ty TNHH Xuân Phú Sơn | - | 102.000.000 |
| TT TV ứng dụng KH Địa Chất & CT Giao Thông | - | 60.338.000 |
| Nhà cung cấp khác | 252.924.899 | 229.812.417 |
| Cộng | 1.726.610.026 | 1.864.332.561 |

12. Người mua trả tiền trước

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|--------------------|--------------------|
| UBND xã Bào Hoà | - | 91.661.544 |
| Công ty TNHH Hữu Phước | 120.000.000 | - |
| Công ty CP Đầu Tư và Xây Dựng Suối Hoa | 58.500.000 | - |
| Công ty Cổ phần XD Tín Nghĩa | - | 93.703.732 |
| Cộng | 178.500.000 | 185.365.276 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 79**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH***Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**Đơn vị tính: VND***13. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

| | Số đầu năm | Số phải nộp trong năm | Số đã nộp trong năm | Số cuối năm |
|-----------------------|--------------------|--------------------------|------------------------|--------------------|
| Thuế GTGT phải nộp | 580.524.340 | 280.522.706 | 829.243.603 | 31.803.443 |
| Thuế thu nhập cá nhân | (5.345.287) | 2.840.800 | 2.840.800 | (5.345.287) |
| Thuế TNDN | 122.052.786 | 83.137.292 | 164.299.217 | 40.890.861 |
| Thuế môn bài | - | 3.000.000 | 3.000.000 | - |
| Các loại thuế khác | 155.013.063 | - | 100.000.000 | 55.013.063 |
| Cộng | 852.244.902 | 369.500.798 | 1.099.383.620 | 122.362.080 |

Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa được trình bày trên chỉ tiêu Thuế và các khoản phải thu nhà nước

Thuế giá trị gia tăng

Công ty áp dụng thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế suất áp dụng

Trong nước 10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem thuyết minh số IV.07

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp thuế môn bài hàng năm theo qui định.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan Thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về Thuế đối với nhiều loại chi phí khác nhau có thể được giải trình theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan Thuế.

14. Phải trả người lao động

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--------------------------------|----------------------|----------------------|
| Số đầu năm | 3.214.807.044 | 3.529.577.242 |
| Quỹ lương được trích trong năm | 2.659.799.654 | 5.061.895.189 |
| Số đã chi trong năm | 3.494.755.764 | 5.376.665.387 |
| Cộng | 2.379.850.934 | 3.214.807.044 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 79**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH***Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**Đơn vị tính: VND***15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|--------------------|--------------------|
| Tiền bán tài sản không đưa vào cổ phần hoá | 479.698.365 | 479.698.365 |
| Kinh phí công đoàn | 57.814.724 | 58.322.432 |
| Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế | 107.300.863 | 192.322.198 |
| Bảo hiểm thất nghiệp | 14.878.316 | - |
| Các khoản khác | 161.892.364 | 43.126.942 |
| Cộng | 821.584.632 | 773.469.937 |

16. Dự phòng phải trả ngắn hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---------------------------------------|--------------------|--------------------|
| Dự phòng bảo hành công trình xây dựng | 516.298.553 | 325.271.455 |
| Dự phòng các khoản khác | - | - |
| Cộng | 516.298.553 | 325.271.455 |

17. Doanh thu chưa thực hiện

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|----------------------|--------------------|
| Công trình Cầu Ấp 3 - Xã Xuân Hòa - Xuân Lộc | 952.952.727 | - |
| Công trình đường Khu Tây - Bảo Hòa (giai đoạn 1) | - | 632.799.871 |
| Công trình đường tổ 06 - Tân Hợp | 350.380.235 | 350.380.235 |
| Cộng | 1.303.332.962 | 983.180.106 |

18. Vốn chủ sở hữu***Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu***

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 1.

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn điều lệ của Công ty kể từ thời điểm chuyển đổi thành công ty cổ phần là 10.000.000.000 VND, được chia thành 1.000.000 cổ phần có mệnh giá là 10.000 VND/cổ phần. Trong đó:

| | Số lượng cổ phần | Vốn chủ sở hữu | Tỷ lệ |
|------------------|---------------------|-----------------------|----------------|
| Vốn nhà nước | 744.900 | 7.449.000.000 | 74,49% |
| Các cổ đông khác | 255.100 | 2.551.000.000 | 25,51% |
| Cộng | 1.000.000,00 | 10.000.000.000 | 100,00% |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 79**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH***Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**Đơn vị tính: VND**Chi tiết tình hình tăng, giảm lợi nhuận chưa phân phối:*

| | Số tiền |
|--|-------------|
| Lãi đầu năm | 359.400.068 |
| Lãi trong năm 2014 | 222.155.402 |
| Những khoản hạch toán giảm trực tiếp vào lợi nhuận | |
| <i>Quỹ dự phòng tài chính</i> | 17.796.346 |
| <i>Quỹ khen thưởng phúc lợi</i> | 35.592.691 |
| <i>Chi trả cổ tức</i> | 250.000.000 |
| <i>Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát</i> | 44.591.000 |
| Lãi lũy kế đến 31/12/2014 | 233.575.433 |

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

| | Năm nay | Năm trước |
|--|----------------|----------------|
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 16.316.306.176 | 25.170.373.546 |
| Doanh thu bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ | 16.316.306.176 | 25.170.373.546 |
| Các khoản giảm trừ | - | 6.978.115 |
| Giảm giá hàng bán | - | 6.978.115 |
| Doanh thu thuần | 16.316.306.176 | 25.163.395.431 |

02. Giá vốn hàng bán

| | Năm nay | Năm trước |
|--------------------------------------|----------------|----------------|
| Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ | 14.058.674.790 | 22.381.942.292 |
| Cộng | 14.058.674.790 | 22.381.942.292 |

03. Doanh thu hoạt động tài chính

| | Năm nay | Năm trước |
|------------------------|------------|------------|
| Lãi tiền gửi ngân hàng | 11.660.442 | 25.520.431 |
| Cổ tức nhận được | 17.640.000 | 18.000.000 |
| Cộng | 29.300.442 | 43.520.431 |

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 79**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH***Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**Đơn vị tính: VND***04. Chi phí tài chính**

| | Năm nay | Năm trước |
|-----------------|--------------------|-------------------|
| Chi phí lãi vay | 110.523.353 | 76.096.389 |
| Khác | - | - |
| Cộng | 110.523.353 | 76.096.389 |

05. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | Năm nay | Năm trước |
|-------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Chi phí cho nhân viên | 1.507.244.909 | 1.239.707.770 |
| Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng | 165.870.368 | 240.298.493 |
| Chi phí khấu hao | 5.586.730 | 9.818.772 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 255.023.184 | 184.767.835 |
| Chi phí khác | 515.694.071 | 963.706.367 |
| Cộng | 2.449.419.262 | 2.638.299.237 |

06. Thu nhập khác

| | Năm nay | Năm trước |
|--|--------------------|--------------------|
| Thu từ cho thuê xe | 848.727.272 | 206.272.728 |
| Thu nhập từ đền bù, sửa chữa hộ lan | - | 52.914.149 |
| Hoàn nhập dự phòng công trình hết thời gian bảo hành | - | 251.037.963 |
| Thu nhập khác | 2.831.051 | 55.454.546 |
| Cộng | 851.558.323 | 565.679.386 |

07. Chi phí khác

| | Năm nay | Năm trước |
|---------------------------------|--------------------|--------------------|
| Chi phí đền bù, sửa chữa hộ lan | - | 20.197.876 |
| Chi phí cho thuê xe | 217.806.719 | 43.825.447 |
| Chi phí thanh lý TSCĐ | 42.096.405 | - |
| Chi phạt thuế | 12.160.809 | 100.000.000 |
| Chi phí khác | 1.190.909 | 9.740.420 |
| Cộng | 273.254.842 | 173.763.743 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 79**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH***Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**Đơn vị tính: VND***08. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

| | Năm nay | Năm trước |
|---|-------------------|--------------------|
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành | 83.137.292 | 146.566.675 |
| Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay | - | - |
| Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 83.137.292 | 146.566.675 |

09. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

| | Năm nay | Năm trước |
|---|---------------|---------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 222.155.402 | 355.926.912 |
| Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận | - | - |
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | 222.155.402 | 355.926.912 |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm | 1.000.000 | 1.000.000 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 222,16 | 355,93 |

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**01. Thông tin về bộ phận**

Công ty chỉ hoạt động trong một khu vực địa lý là tại Việt Nam (100% nội địa)

02. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty

| Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Năm nay | Năm trước |
|---|-------------|---------|-----------|
| Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn | | | |
| <i>Cơ cấu tài sản</i> | | | |
| Tài sản dài hạn / Tổng tài sản | % | 25,00 | 23,85 |
| Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản | % | 75,00 | 76,15 |
| <i>Cơ cấu nguồn vốn</i> | | | |
| Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn | % | 42,66 | 49,49 |
| Nguồn vốn CSH / Tổng nguồn vốn | % | 57,34 | 50,51 |
| Khả năng thanh toán | | | |
| Khả năng thanh toán tổng quát | lần | 2,34 | 2,02 |
| Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn | lần | 2,09 | 1,69 |
| Khả năng thanh toán nhanh | lần | 1,29 | 1,47 |

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 79

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty (tiếp theo)

Tỷ suất sinh lời

Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu thuần

| | | | |
|---|---|------|------|
| Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần | % | 1,87 | 2,00 |
| Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần | % | 1,36 | 1,41 |

Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản

| | | | |
|--|---|------|------|
| Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản | % | 1,59 | 2,27 |
| Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản | % | 1,16 | 1,61 |
| Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu | % | 2,02 | 3,18 |

Đồng Nai, Ngày 10 tháng 02 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Minh!

[Signature]



Nguyễn Ngọc Kim Chi

Nguyễn Tuấn Hòa

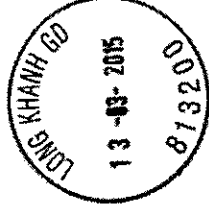
[Signature]
Nguyễn Văn Hợi

NGƯỜI GỬI / FROM: Công ty cổ phần Đầu tư

và Xây dựng Công trình ZS

Số 29/2 Đường phường Xuân Bình - Thủ Đức

Tel: long chuan - tỉnh Đồng Nai



Nhà ST

64812769972

91169

25410

NGƯỜI NHẬN / TO: Tổng Công ty Đầu tư và
Kinh Doanh Vốn NL & Năng (SEIC)

chủ NL & Năng Phước Nam

Số 16 Trường Chinh - Phường 6 - Quận 3

Tel: TP. Hồ Chí Minh

0839333818